

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16-6-2020

V/v tranh chấp: “không công
nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Quang H; Sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Cẩm T; Sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2020 và biên bản lời khai nguyên đơn ông Lê Quang H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chung sống năm 2004 và nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ban đầu thì vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2006 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm

được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung được nữa. ông H đã sống ly thân với bà T từ năm 2006 liên tục cho đến nay. Hiện nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: 01 con chung là Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 13/01/2015. Nguyên vọng của ông H là giao cháu Lê Thị Cẩm N cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

** Bị đơn bà Lê Thị Cẩm Tú trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông H tự nguyện chung sống năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn do hộ khẩu ở Bến Tre nên chưa làm được. Trong thời gian chung sống ban đầu thì vợ chồng hạnh phúc. Chung sống đến cuối năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm ông H thường xuyên đi chơi, sau đó ông H đi về Bắc, bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2005 liên tục cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống, hai người đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể, nay không thể tiếp tục chung sống được nữa. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H với bà T thì bà đồng ý.

Về con chung: 01 con chung là Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 13/01/2015. Nguyên vọng của bà T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tú không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; Điều 53; 81; 82; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 13/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân;

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Lê Quang H làm đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T. Do việc chung sống giữa ông H và bà T không đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Mặt khác, bị đơn bà Lê Thị Cẩm Tú có nơi cư trú tại xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: ông H và bà T chung sống với nhau hạnh phúc cho đến cuối năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hay bên không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt, vợ chồng hay cãi vã, ông H đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau, vì vậy hôn nhân không đạt được mục đích. Nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về con chung: nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất giao cháu Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 13/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc giao cháu Nhung cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không đặt ra nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị Cẩm T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 13/01/2005 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Nhung thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Quang H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010227 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điền Thị Hạnh